

Số: 193/TTr-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 11 năm 2021

HỎA TỐC

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; Công văn số 113/HĐND-TT ngày 01/7/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 19/5/2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2021/TT-BTC quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi là Chương trình 1322); theo đó, tại khoản 1 Điều 11 Thông tư quy định: Căn cứ theo các tiêu chí, điều kiện xét chọn, tuyển chọn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình 1322 và khả năng cân đối nguồn lực, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể các mức chi đối với các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi để thực hiện Chương trình 1322 trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm mục đích làm căn cứ pháp lý để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân chủ động trong việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình 1322 tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Quá trình nghiên cứu, xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ và bám sát quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình 1322 tại địa phương không cao hơn mức chi đối với các nội dung chi tương ứng được quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 113/HĐND-TT ngày 01/7/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 3524/UBND-KT ngày 05/7/2021. Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân; đồng thời, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã thẩm định tại Báo cáo số 418/BC-STP ngày 23/9/2021) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Ngày 04/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã lấy ý kiến đóng góp của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và hoàn chỉnh, thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 8 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình 1322.

Điều 6. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng đổi mới, chuyển giao và ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng, ứng dụng các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi để thực hiện Chương trình 1322 do địa phương thực hiện, cụ thể:

- Đối với các nội dung chi liên quan đến các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện đã được cụ thể hóa mức chi bằng văn bản của địa phương thì thực hiện theo văn bản quy định của địa phương.

- Đối với việc hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng đổi mới, chuyển giao và ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng, ứng dụng các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế: mức hỗ trợ bằng 50% kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh về định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đối với các nội dung chi liên quan đến các nhiệm vụ của Chương trình 1322 do địa phương thực hiện chưa được cụ thể hóa mức chi bằng văn bản của địa phương nhưng đã được cụ thể mức chi tương ứng bằng văn bản quy định của Trung ương thì quy định bằng 80% mức chi theo quy định của Trung ương.

b) Về nguồn lực thực hiện:

- Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322 tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 05/5/2021; theo đó, dự kiến tổng kinh phí thực hiện là 34.550 triệu đồng, bao gồm kinh phí từ sự nghiệp khoa học công nghệ của ngân sách tỉnh là 15.550 triệu đồng¹, kinh phí đối ứng của doanh nghiệp là 19.000 triệu đồng; hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với Sở Tài chính cùng các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, lập dự toán kinh phí thực hiện, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đối với Kế hoạch thực hiện Chương trình 1322 tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện của giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn lực của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch thực hiện, trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện theo quy định.

¹ Dự kiến phân kỳ hàng năm, cụ thể: năm 2021: 530 triệu đồng; năm 2022: 3.800 triệu đồng; năm 2023: 3.800 triệu đồng; năm 2024: 3.700 triệu đồng; năm 2025: 3.720 triệu đồng.

(Nội dung chi tiết theo dự thảo Nghị quyết kèm theo).

Trên đây là nội dung Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định *(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*./.

(Gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo số 418/BC-STP ngày 23/9/2021 của Sở Tư pháp; (3) Các Báo cáo: số 273/BC-SKHCN ngày 10/9/2021, số 313/BC-SKHCN ngày 29/9/2021, số 365/BC-SKHCN ngày 25/10/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ; (4) Tờ trình số 52/STC-SKHCN ngày 29/9/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ; (5) ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân và các văn bản khác có liên quan (gửi qua iOffice)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh (iOffice);
- Các sở: KH&CN, TC, TP (iOffice);
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Phòng TH (iOffice);
- Lưu: VT, KT (19) (01b), VL09/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi